TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 46/2019/DSPT
Ngày: 19/8/2019
V/V: tranh chấp về quyền đối với tài sản
và tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và bà Dương Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLPT- DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền đối với tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2019/QĐ - PT ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Đình H, sinh năm 1982;

Trú tại: Tổ dân phố TTh, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Dương Thị G, sinh năm 1952;

Trú tại: Xóm NhM, xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Hoàng Thị B, sinh năm: 1950 (mẹ đẻ anh H);

Hộ khẩu thường trú: Xóm NhM, xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố TTh, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ (có mặt).

3.2 Chị Dương Thị C, sinh năm: 1985 (em ruột anh H);

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố BH, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh TQ (có mặt).

4. **Người làm chứng:**

4.1 Ông Dương Văn B, sinh năm 1932 (Đã chết ngày 28/5/2018);

4.2 Ông Dương Đình Đ, sinh năm 1931;

4.3 Ông Dương Đình X, sinh năm 1963;

Cùng trú tại: Xóm NhM, xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

4.4 Bà Dương Thị Th, sinh năm 1955;

Trú tại: Xóm ĐL, xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

4.5 Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1960;

Trú tại: Phố Ph, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên.

(bà Đ, bà Th có mặt, ông Đ, ông X vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Dương Đình H trình bày: Bố mẹ anh là ông Dương Đình A bà Hoàng Thị B sinh được 2 người con chung là anh và chị Dương Thị C. Khoảng năm 1990 bố, mẹ anh ly hôn, đến năm 2003 bố, mẹ anh kết hôn lại. Vào tháng 8/2009 bố anh bị ốm nặng anh về đưa bố anh đi viện, lúc đó nhà cửa của bố anh không ai quản lý nên anh có gửi cô ruột của anh là bà Dương Thị G gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan đến bố anh. Đến ngày 18/10/2009 bố anh chết. Năm 2017 anh về quê lo sang cát cho bố anh xong, anh có đến nhà bà G xin lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan đến bố anh mà anh đã gửi bà G cất giữ hộ từ năm 2009, nhưng bà G không trả mà còn chửi và xúc phạm đến anh và gia đình. Sau đó anh đã làm đơn ra UBND xã ThĐ nhờ giải quyết nhưng không thành. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét buộc bà G trả lại cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00470/265/2001/QĐ - UBH do UBND huyện PhB cấp ngày 07/6/2001 mang tên ông Dương Đình A mà bà G đang quản lý.

Tại văn bản phản tố ngày 18/7/2017, bị đơn bà Dương Thị G trình bày: Bà và ông Dương Đình A là anh em ruột. Năm 1983 ông A đi bộ đội về không có nhà nên ở nhờ nhà bà. Sau đó ông A về nhà anh trai là Dương Đình Đ ở, đến khoảng tháng 5, 6 năm 1984 thì ông A lên cuốc mảnh đất bà đổi cho ông Dương Văn B (thửa 480a, 480b), để làm nhà ở, đến tháng 6/1987 nhà bị đốt cháy hết, ông A lại đến ở nhờ nhà bà. Sau đó ông A làm lại nhà vào đúng chỗ nhà bị cháy và rào cổng nhà bà lại không cho nhà bà đi, cùng năm ông A mua 2 mảnh ruộng trồng sắn của ông Dương Đình Đ. Năm 1990 thì ông A tự trả cho bà ½ mảnh ruộng mà bà đổi cho ông Dương Văn B, còn ½ ruộng và cổng thì ông A kê khai vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông A. Ông A kết hôn với bà Hoàng Thị B năm 1982. Đến tháng 9/1990 bà B chuyển khẩu về xã ThĐ ở với ông A, nhưng ông bà thường xuyên cãi nhau nên sau đó bà B mang con lên ở nhờ nhà bà, rồi sau đó bà B đưa các con lên Tuyên Quang ở, nên ông A thường xuyên ở một mình. Do ông A là bệnh binh, gia đình bà phải chăm nom cho ông A. Năm 1990 thì ông A và bà B ly hôn, đến năm 2006 ông A và bà B kết hôn lại. Ngày 18/10/2009 ông A chết, khi dọn dẹp nhà cửa chuyển đồ lên nhà bà để làm ma cho ông A thì bà có giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông A; 01 sổ hộ khẩu; 01 giấy Chứng minh thư nhân dân và các giấy tờ khác của ông A. Nay bà không nhất trí trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh H, bà B, chị C vì trong các thửa đất 480a, 480b - TBĐ 19 cấp cho ông A có một phần diện tích đất của gia đình bà. Nguồn gốc về diện tích đất này là do bà đổi cho ông Dương Văn B năm

1984, khi đổi hai bên không có giấy tờ gì, không xác định được số tờ, số thửa, diện tích cụ thể, đến nay ông B mới làm giấy xác nhận cho bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Hoàng Thị B (mẹ đẻ anh H): Bà giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai và nhất trí ý kiến của anh H.

Chị Dương Thị C (em ruột anh H): Chị nhất trí ý kiến của anh H, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà G trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố chị cho gia đình anh H, việc bà G yêu cầu gia đình trả lại đất tại các thửa 480a + 480b chị không nhất trí.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018, người làm chứng ông Dương Văn B trình bày: Trước đây ông và bà Dương Thị G có đổi diện tích đất cho nhau, tuy nhiên ông khẳng định thửa đất mà ông đã đổi cho bà G nằm ở vị trí trước cửa nhà bà G hiện nay đang ở và ở phía sau ngôi nhà bỏ hoang của ông Dương Đình A chứ không phải diện tích đất mà bà G và anh H hiện nay đang tranh chấp.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Dương Đình Đ khai: Nguồn gốc các thửa đất 480a và 480b -TBĐ số 19, bản đồ địa chính xã ThĐ trước đây là đồi trọc, đã được ông canh tác sử dụng trồng bạch đàn. Sau đó ông có bán diện tích đất đó cho ông Dương Đình A. Ông khẳng định diện tích đất đang tranh chấp giữa anh H và bà G là diện tích đất của ông Dương Đình A bố anh Dương Đình H, chứ không phải đất của bà G.

Bà Dương Thị Đ khai: Nguồn gốc thửa đất 480a và 480b là của ông Dương Văn B đổi cho bà Dương Thị G, sau đó bà G có cho ông Dương Đình A ở nhờ, bà Đ khẳng định diện tích đất mà hiện nay anh H và bà G đang tranh chấp là của bà G.

Bà Dương Thị Th khai: Nguồn gốc thửa đất 480a và 480b trước đây là của ông Dương Đình Đ, ông Dương Đình A đã mua lại diện tích đó của ông Đ, sau đó ông A đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất đó và quản lý sử dụng diện tích đất đó cho đến khi ông A chết. Bà Th khẳng định diện tích đất mà hiện nay anh H và bà G đang tranh chấp là của ông A.

Ông Dương Đình X khai: Nguồn gốc thửa đất 480a và 480b là của ông Dương Văn B đổi cho bà Dương Thị G, sau đó bà G có cho ông Dương Đình A ở nhờ trên thửa đất đó. Ông X khẳng định diện tích đất mà hiện nay anh H và bà G đang tranh chấp là của bà G.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 07/2018/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Điều 4; khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; các Điều 157, 165, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 105, 166 và Điều 616 của Bộ luật dân sự; các Điều 17; khoản 7 Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Dương Đình H về việc yêu cầu bà Dương Thị G trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà G phải trả lại cho anh Dương Đình H 01 (Một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 00470/QSDĐ/265/2001/QĐ - UB do Ủy ban nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/6/2001 mang tên hộ ông Dương Đình A.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Dương Thị G về việc yêu cầu anh Dương Đình H trả lại cho bà diện tích đất **249,19** m^2 thuộc thửa 480a và 480b, tờ bản đồ số 19 - Bản đồ địa chính xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Đình A.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích các thửa đất số 480a+480b - Tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã ThĐ thuộc quyền sử dụng theo quy định pháp luật của những người thừa kế theo pháp luật của ông Dương Đình A gồm bà Hoàng Thị B (Là vợ ông A), anh Dương Đình H và chị Dương Thị C (là con đẻ ông A và bà B).

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Dương Thị G phải chịu toàn bộ số tiền là 2.600.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí định giá đã nộp là 2.600.000đ (bà Hạ đã thi hành xong).

4. Về án phí: Bà Dương Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 5.606.000đ tiền án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng bà G phải chịu 5.906.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000đ theo biên lai thu số 0000206 ngày 19/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên; bà G còn phải nộp tiếp 5.156.000đ (Năm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Đình H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000268 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph B, tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2018 bà Dương Thị G có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án buộc anh H trả lại cho bà 249m^2 đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Dương Thị G vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "kiện đòi tài sản" là chưa chính xác. Quan hệ pháp luật trong vụ án này phải là "tranh chấp về quyền đối với tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất" mới đúng.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 anh Dương Đình H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị G phải trả lại anh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Đình A; 01 sổ hộ khẩu mang tên ông Dương Đình A; Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2017 anh Dương Đình H chỉ yêu cầu bà Dương Thị G trả lại cho mẹ con anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00470/ 265/2001/QĐ - UBH cấp ngày 07/6/2001 mang tên ông Dương Đình A là bố đẻ của anh (đã mất ngày 18/10/2009), mà hiện nay bà Dương Thị G là em ruột của ông A đang quản lý. Bà Dương Thị G thừa nhận đang quản lý những tài sản của ông A sau khi ông A chết gồm có: **01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông A; 01 sổ hộ khẩu mang tên ông A; 01 chứng minh thư nhân dân của ông A,** nhưng bà không nhất trí trả lại những giấy tờ của ông A nêu trên cho anh H là vi phạm quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 164 của Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định " ***Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại"***. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà G phải trả lại cho anh H: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Đình A là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận quyền sử dụng diện tích đất tại các thửa 480a và 480b tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã ThĐ cho bà B (vợ ông A), anh H, chị C (con trai và con gái của ông A) là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Dương Thị G yêu cầu anh H trả lại cho bà 249m^2 đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Đình A. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc diện tích đất trên bà G cho rằng của bà đổi đất cho ông Dương Văn B, bà xuất trình giấy chứng nhận đổi đất viết tay do chính bà viết ngày 23/7/2017 và sau đó 1 ngày thì ông Dương Văn B có xác nhận với nội dung " ***Tôi có đổi ruộng cho bà G ở rìa núi Đồng Xồm***". Tại Biên bản lấy lời khai của ông Dương Văn B khẳng định diện tích đất bà G đang khởi kiện yêu cầu anh H trả lại cho bà G tại thửa 480a, 480b là đất của ông A, còn diện tích đất mà ông đã đổi cho bà G nằm ở vị trí khác, cụ thể diện tích đất đó nằm ở phía trước cửa nhà bà G, không liên quan đến thửa đất của ông A (bút lục 124). Ngoài ra ông Dương Đình Đ và bà Dương Thị Th cũng đều khẳng định diện tích các thửa đất 480a, 480b là đất của ông Dương Đình A, có nguồn gốc là của ông Đ bán cho ông A (bút lục 121, 123).

[4] Tại công văn số 1012/2018/UBND - TNMT ngày 13/8/2018 của UBND huyện PhB cho biết: Thửa đất số 480a diện tích 300m^2, mục đích sử dụng đất "T"; Thửa đất 480b, diện tích 290m^2, mục đích sử dụng đất "Vườn" cùng thuộc tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã ThĐ cấp cho hộ ông Dương Đình A, xóm NhM, xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên có nguồn gốc đất là do gia đình ông A khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1990. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông A vẫn sử dụng ổn định và không có tranh chấp gì.

UBND huyện PhB khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dương Đình A là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ căn cứ khẳng định các thửa đất số 480a, 480b là đất của ông Dương Đình A. Bà Dương Thị G yêu cầu anh Dương Đình H trả lại cho bà diện tích đất 249,19m^2 tại các thửa 480a, 480b cùng tờ bản đồ số 19 - Bản đồ địa chính xã ThĐ, huyện PhB là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà G là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của bà G, tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật có tranh chấp và sửa Điều luật áp dụng của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 4; khoản 2, khoản 9 Điều 26; Điều 148; các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 164; Điều 169; các Điều 105, và khoản 1 Điều 616 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 17; khoản 7 Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần bản án sơ thẩm 07/2018/DSST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên về quan hệ pháp luật và Điều luật áp dụng.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Dương Đình H.

Buộc bà Dương Thị G phải trả lại cho anh Dương Đình H 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 00470/QSDĐ/265/2001/QĐ - UB/H do Ủy ban nhân dân huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/6/2001 mang tên hộ ông Dương Đình A.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Dương Thị G về việc yêu cầu anh Dương Đình H phải trả lại cho bà diện tích đất **249,19**m^2 thuộc thửa 480a, 480b, tờ bản đồ số 19 - Bản đồ địa chính xã ThĐ, huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Đình A.

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Dương Thị G phải chịu toàn bộ số tiền là 2.600.000đ (hai triệu, sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận bà G đã chi phí xong.

4. Về án phí:

4.1 Bà Dương Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 5.606.000đ (năm triệu, sáu trăm linh sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bà G phải chịu 5.906.000đ (năm triệu, chín

trăm linh sáu nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 750.000đ (bẩy trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000206 ngày 19/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên. Bà G không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000654 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

4.2 Anh Dương Đình H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại anh H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000268 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PhB, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện PhB;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện PhB;
- UBND huyện PhB;
- UBND xã ThĐ, PhB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Quế